

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
SAIGON BEER-ALCOHOL-BEVERAGE
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness**

Số/No: **319** /BSG-KTTK
Giải trình BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2026
*Explanation of the consolidated FS
of 1st quarter of 2026*

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2026
Ho Chi Minh City, Apr. 22., 2026*

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước / *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM / *Ho Chi Minh Stock Exchange*

Tên tổ chức : **Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn**
Organization name : Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation
Mã chứng khoán : SAB
Security symbol : SAB
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, TPHCM
Address : 187 Nguyen Chi Thanh, Cho Lon Ward, Ho Chi Minh City

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Thông tư 18/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin. Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2026 cụ thể như sau:

Pursuant to the Finance Ministry's Circular No. 96/2020/TT-BTC and Circular No. 18/2025/TT-BTC on the disclosure of information. Saigon Beer – Alcohol – Beverage Corporation (SABECO) explained the consolidated financial statement of 1st quarter of 2026 as follows:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:
Consolidated income statement:

Đơn vị tính: VND/ Unit: VND

KHOẢN MỤC/ ITEMS	Quarter 1		Tăng/ Increase, Giảm/ Decrease	Tỷ lệ / Percent
	2026	2025		
A	1	2	3=1-2	4=3/2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods and provision of services	6,538,755,308,695	5,899,500,354,875	639,254,953,820	11%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Revenue deductions	81,575,683,190	88,771,713,823	-7,196,030,633	-8%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue	6,457,179,625,505	5,810,728,641,052	646,450,984,453	11%
4. Giá vốn hàng bán/ Cost of goods sold and services provided	4,052,082,990,905	3,938,664,433,825	113,418,557,080	3%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Gross Profit	2,405,096,634,600	1,872,064,207,227	533,032,427,373	28%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial Income	264,375,213,097	243,085,541,738	21,289,671,359	9%



7. Chi phí tài chính/ Financial Expenses	14,437,156,234	91,111,026,238	-76,673,870,004	-84%
- Trong đó: Chi phí lãi vay/ Including: Interest expenses	7,553,159,578	10,901,060,239	-3,347,900,661	-31%
8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết/ Share of profits in associates and jointly controlled entities	29,706,731,993	52,888,632,292	-23,181,900,299	-44%
9. Chi phí bán hàng/ Selling expenses	900,339,945,103	798,819,252,172	101,520,692,931	13%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ General and administration expenses	236,063,669,520	247,276,682,656	-11,213,013,136	-5%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Net operating profit	1,548,337,808,833	1,030,831,420,191	517,506,388,642	50%
12. Thu nhập khác/ Other income	7,507,735,159	1,250,245,672	6,257,489,487	501%
13. Chi phí khác/ Other expenses	7,978,982,263	9,871,737,223	-1,892,754,960	-19%
14. Lợi nhuận khác/ Results of other activities	-471,247,104	-8,621,491,551	8,150,244,447	-95%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ Accounting profit before tax	1,547,866,561,729	1,022,209,928,640	525,656,633,089	51%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ Income tax expense – current	265,674,977,938	143,258,083,584	122,416,894,354	85%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại/ Income tax expense/ (benefit) – deferred	36,747,645,899	79,316,607,744	-42,568,961,845	-54%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit after tax	1,245,443,937,892	799,635,237,312	445,808,700,580	56%

Doanh thu thuần cao hơn cùng kỳ là kết quả của sản lượng tăng do thời điểm Tết khác nhau (Tết năm 2025 vào cuối tháng 1 trong khi Tết năm 2026 vào giữa tháng 2) và tác động của đợt tăng giá có hiệu lực từ tháng 07/2025. Lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế cao hơn cùng kỳ, lần lượt nhờ vào doanh thu bán hàng cao hơn, chi phí malt gạo thuận lợi, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính giảm, cùng với thu nhập tài chính được cải thiện, trong bối cảnh chi phí bán hàng gia tăng.

Net sales were higher than the previous year was the result of increased volume due to TET timing (late Jan 2025 vs. mid-Feb 2026) and the impact of the price increase effective from Jul-25. Both gross profit and profit after tax were higher than last year, driven respectively by higher sales revenue, favorable malt and rice costs, lower administrative (G&A) expenses and financial expenses coupled with improved financial income, amid increased selling expenses.

Trên đây là giải trình của SABECO báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về sự thay đổi các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2026 của SABECO.

The above explanations are for SABECO report to the State Securities Commission and Ho Chi Minh Stock Exchange about the changes of the financial indicators on SABECO's consolidated financial statements of 1st quarter of 2026.

Trân trọng./.

Yours Sincerely./.



Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ *As above;*
- Lưu: Văn thư/ *Save at the Office.*



TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR

Tan Teck Chuan Lester

